

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68 /2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXX-ST ngày 29/5/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị L – Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B 1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Lập có mặt tại phiên tòa)

***Bị đơn:** Anh Dương Văn L1 – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B 1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện anh Dương Văn L1 đang lao động tại Nhật Bản (Địa chỉ: Okazakishi-Wataricho-noko mae * banchi I- Japan).

(Anh L1 xin vắng mặt tại phiên tòa)

*Người đại diện anh Dương Văn L1 nhận văn bản tố tụng của Tòa án: bà Tăng Thị Q – Sinh năm 1960. Địa chỉ: B 1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là mẹ anh Dương Văn L1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 20/6/2018 nguyên đơn là chị Giáp Thị L trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi kết hôn với anh Dương Văn L1 ngày 23/01/2007 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Từ năm 2012 vợ chồng tôi không còn tình cảm nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn L1.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Tuấn A, sinh ngày 07/11/2007. Hiện cháu Dương Tuấn A đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và không đề nghị anh Dương Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Giáp Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Dương Văn L1 hiện đang lao động tại Nhật Bản có quan điểm trình bày:*

-Về quan hệ vợ chồng: Tôi kết hôn với chị Giáp Thị L ngày 23/01/2007, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã B, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì tôi đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Năm 2011 thì chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ không còn quan tâm từ năm 2011. Nay tôi xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị L xin ly hôn, tôi đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Tuấn A, sinh ngày 07/11/2007. Hiện cháu Dương Tuấn A đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Dương Văn L1 xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện tôi đang đi làm ăn xa nên tôi không thể tham gia các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa của Tòa án được. Tôi xin vắng mặt tại tất cả các tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên

tòa xét xử của Tòa án. Tôi giữ nguyên quan điểm như tôi đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giáp Thị L không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Văn L1, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L tự nguyện xin chịu cả chi phí giám định. Anh Dương Văn L1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố quan điểm của anh Dương Văn L1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Giáp Thị L được ly hôn anh Dương Văn L1. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Tuấn A, sinh ngày 07/11/2007 cho chị L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ chị L, anh L1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Giáp Thị L phải chịu án phí theo quy định. Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị L là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Dương Văn L1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Bị đơn là anh Dương Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B 1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động ở nước ngoài (Nhật Bản). Căn cứ công văn số: 9367/XNC(P3) ngày 26/7/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Dương Văn L1 đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 16/11/2009, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án “ly hôn,

tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên anh Dương Văn L1:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng về gia đình anh Dương Văn L1. Anh Dương Văn L1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có văn bản thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về cho gia đình để cung cấp cho Tòa án. Ngày 28/12/2018 Tòa án làm việc với bà Tăng Thị Q (là mẹ anh L1) và được bà Q cung cấp các tài liệu là Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của anh Dương Văn L1 gửi từ nước ngoài về cho gia đình để cung cấp cho Tòa án giải quyết vụ việc. Do văn bản của anh Dương Văn L1 gửi về không có xác nhận của cơ quan ngoại giao tại nước ngoài nên chị Giáp Thị L có đơn đề nghị giám định chữ viết và cung cấp tài liệu là chữ viết (mẫu) của anh Dương Văn L1 để so sánh với chữ viết đứng tên anh Dương Văn L1 gửi về xem có đúng là do một người viết hay không.

[2.2]. Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGD ngày 08/01/2019. Tại kết luận giám định số 143/KL-KTHS ngày 29/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện các chữ viết trong các tài liệu đứng tên anh Dương Văn L1 được trưng cầu giám định và chữ viết trong các tài liệu mẫu để so sánh là do cùng một người viết ra.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của anh Dương Văn L1 gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của anh Dương Văn L1. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn L1 đã có bản tự khai trình bày về vụ việc và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy việc vắng mặt của anh Dương Văn L1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Dương Văn L1.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Chị Giáp Thị L và anh Dương Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/01/2007 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Giáp Thị L và anh Dương Văn L1 là

quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị L, anh L1 chung sống tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, ban đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Năm 2009 anh L1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Năm 2011 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ không còn quan tâm từ năm 2011. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Giáp Thị L xin ly hôn, anh Dương Văn L1 đồng ý.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, kéo dài từ năm 2011 đến nay vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Giáp Thị L được ly hôn anh Dương Văn L1.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Chị Giáp Thị L và anh Dương Văn L1 có 01 con chung là cháu Dương Tuấn A, sinh ngày 07/11/2007. Hiện cháu Dương Tuấn A đang ở cùng ông bà nội phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị L và anh L1 đều đề nghị được nuôi con chung và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Dương Tuấn A có nguyện vọng được ở với bố khi bố, mẹ ly hôn.

[5.2]. Đối với con chung là Dương Tuấn A chưa đủ 18 tuổi, chị Giáp thị L có nguyện vọng nuôi con, chị L có đầy đủ điều kiện nuôi con chung; tuy nguyện vọng của cháu Dương Tuấn A muốn được ở với bố nhưng anh Dương Văn L1 đang lao động tại nước ngoài, cháu Dương Tuấn A đang học tập, sinh sống tại Việt Nam; vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Giáp Thị L được nuôi dưỡng con chung Dương Tuấn A. Anh Dương Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giáp Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Dương Văn L1 về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Giáp Thị L và anh Dương Văn L1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng:

[7.1]. Về án phí: chị Giáp Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[7.2]. Về chi phí giám định: chị L tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định, cần được chấp nhận.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 153; khoản 1, Điều 154; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị L được ly hôn anh Dương Văn L1.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Tuấn A, sinh ngày 07/11/2007 cho chị Giáp Thị L nuôi dưỡng. Anh Dương Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giáp Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003270 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Chị Giáp Thị L tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận chị L đã nộp và chi phí số tiền này.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Dương Văn L1 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Giáp Thị L cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã B, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng